TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Viết.

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/7/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Võ Thị L trình bày: Chị và anh Võ Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào năm 2013. Trong quá trình

chung sống, anh T không chăm lo cho gia đình, thường hay uống rượu rồi đánh đập chị và chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Võ Ngọc K, sinh ngày 11/5/2015. Trước khi mở phiên tòa, chị L đồng ý giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chị L thay đổi ý kiến, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/7/2017, bị đơn là anh Võ Ngọc T trình bày: Anh và chị L kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không nghiêm trọng. Chị L cho rằng anh thường hay uống rượu và đánh đập chị L là không đúng sự thật. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung như chị L đã trình bày. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh thống nhất giao con cho chị L nuôi dưỡng và anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị L nuôi con không đảm bảo thì anh nhận trách nhiệm nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị L đối với anh Võ Ngọc T. Do cháu Võ Ngọc K dưới 36 tháng tuổi nên cần phải giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Ngọc T và chị Võ Thị L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 27/5/2013. Việc kết hôn giữa anh T và chị L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương, gia đình cũng như sự thừa nhận của anh T và chị L thì trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với nhau nên chị L bỏ về chung sống với cha, mẹ của mình tại xã T, huyện T từ đầu năm 2017 cho đến nay. Anh T thừa nhận có chơi cờ bạc nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự đoàn tụ, nhưng anh T lại vắng mặt khi được Tòa án triệu tập tham gia phiên hòa giải vào ngày 18/8/2017 và anh T cũng không đến tham gia phiên tòa. Điều đó cho thấy, anh T không có thiện chí trong việc hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Xét thấy, trong quá trình chung sống anh T không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, còn tham gia chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau. Hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh T, hai vợ chồng cũng không còn chung sống với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án xét thấy cần phải chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh T, chị L có 01 người con chung là cháu Võ Ngọc K, sinh ngày 11/5/2015. Mặc dù, anh T không đồng ý ly hôn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh thống nhất giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị L cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Hơn nữa, từ khi chị L bỏ về nhà của cha, mẹ mình để sinh sống cho đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và hiện tại chị L có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K và đảm bảo đúng quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xét thấy cần thiết phải giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc chị L yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn chính đáng, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, mức yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng của chị L là quá cao so với nhu cầu thiết yếu của cháu K ở địa phương tại thời điểm hiện nay nên Tòa án

chỉ chấp nhận một phần yêu cầu, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Chị L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018440 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L đối với anh Võ Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Võ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc K, sinh ngày 11/5/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc anh Võ Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Ngọc K mỗi tháng 1.000.000 *(Một triệu)* đồng, kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Võ Ngọc T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng, hàng tháng anh T còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0018440 ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Võ Ngọc T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm *(19/9/2017)*. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo